TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh;
Bà Thiều Thị Phi Loan.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 677/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Cường P, sinh năm 1984.
Địa chỉ: 142/5, tổ 3, khu phố 5, phường Tam Hiệp, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Anh C, sinh năm 1987.
Địa chỉ: 29A/2, khu phố 7, phường Tân Hòa, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
(Ông P có đơn xin vắng mặt; ông C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Đặng Cường P trình bày:

Vào ngày 10/7/2019, ông có cho ông Nguyễn Văn Anh C vay số tiền là 65.000.000 đồng (Sáu mươi năm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thỏa thuận miệng khi nào ông cần lấy lại tiền thì báo trước 1 tháng. Các bên có lập một giấy vay tiền với nội dung cụ thể như sau:

"*Tôi tên: Nguyễn Văn Anh C. Sinh ngày: 12/01/1987. CMND số: 71946672. Có Mượn của anh Đặng Cường P với số tiền là 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu). Tôi hứa sẽ đóng tiền lời đúng hẹn, nếu vi phạm tôi sẽ chịu mọi sự trừng phạt của pháp luật*."

Khoảng 06 tháng sau, ông có liên lạc với ông C và yêu cầu ông C trả tiền thì ông C có trả cho ông số tiền gốc là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Sau đó, ông C vẫn tiếp tục không trả tiền cho ông.

Đến nay, ông và ông C vẫn còn liên lạc nhưng ông C cố tình trốn tránh mặc dù ông đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông C vẫn không trả từ tháng 02/2021 cho đến nay.

Nhận thấy, ông C không có thiện chí trả lại tiền cho ông là đã vi phạm nghĩa vụ trong giấy vay tiền. Nên nay ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân TP. B yêu cầu ông Nguyễn Văn Anh C trả lại cho ông số tiền đã vay là: Tổng: 65.000.000 đồng – 12.000.000 đồng = 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng). Ông không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Ngoài yêu cầu trên nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Anh C đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Cường P là có cơ sở chấp nhận, do đó buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Anh C phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là: 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng). Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Đặng Cường P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Anh C phải trả số tiền gốc đã vay là 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng). Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định ông Đặng Cường P là nguyên đơn; ông Nguyễn Văn Anh C là bị đơn.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn Anh C có địa chỉ cư trú tại: 29A/2, khu phố 7, phường Tân Hòa, thành phố B. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn Anh C đã được Tòa án niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Kết quả xác minh tại Công an phường Tân Hòa ngày 05/12/2022 thể hiện: ông Nguyễn Văn Anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Ông Đặng Cường P căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 10/7/2019 thể hiện nội dung "*Tôi tên: Nguyễn Văn Anh C. Sinh ngày: 12/01/1987. CMND số: 71946672. Có Mượn của anh Đặng Cường P với số tiền là 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu). Tôi hứa sẽ đóng tiền lời đúng hẹn, nếu vi phạm tôi sẽ chịu mọi sự trừng phạt của pháp luật*" có chữ viết, chữ ký của ông C. Thời hạn trả nợ các bên thỏa thuận miệng là khi nào ông P cần thì báo trước 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng.

Sau đó, khoảng 06 tháng sau, do cần tiền nên ông P có báo với ông C trả tiền, nhưng ông C chỉ trả cho ông P được 12.000.000 đồng tiền gốc, từ đó cho đến nay thì không trả nữa. Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, xem xét chứng cứ phía nguyên đơn xuất trình để giải quyết vụ án.

Như vậy, việc thỏa thuận vay mượn tiền giữa các bên là có thật. Căn cứ Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền gốc đang nợ là có cơ sở chấp nhận. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Anh C phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn ông Đặng Cường P số tiền nợ gốc là 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng).

Nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Cường P.

Buộc ông Nguyễn Văn Anh C phải trả cho ông Đặng Cường P số tiền nợ gốc là: 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng).

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí DS-ST: Bị đơn ông Nguyễn Văn Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 2.650.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả ông Đặng Cường P số tiền 1.325.000 đồng (*Một triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004498 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS TP.B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**